

ATHENS:V.MOIRA, INDUSTRIAL AREA MANDRA, 19600, ATHENS, GREECE, TEL:+30 210 5557579, FAX:+30 210 5558482

THESSALONIKI: 10TH KM N.R THESSALONIKIS-POLIGIROU, 57001, THERMI THESSALONIKI, GREECE, TEL:+30 2310 467275, FAX: 2310 463442

Hệ thống Revinex® Flex

Hệ thống chống thấm gốc xi măng

Lĩnh vực ứng dụng

Hệ thống chống thấm gốc xi măng, đa năng, thích ứng cho bê tông, tường xây, dưới lớp gạch ốp lát và các bề mặt khác. Bằng cách trộn lẫn các thành phần của hệ thống, Revinex® Flex (thành phần A) với nước hoặc polyme thích hợp (thành phần B) có thể được sử dụng cho các ứng dụng chống thấm khác nhau tùy theo yêu cầu đặc thù của hạng mục.

Hệ thống một thành phần

- Tỷ lệ pha trộn: Flex + nước = 25:7

Lĩnh vực ứng dụng: Lý tưởng cho chống thấm tầng hầm, tường, hầm, vv. Chống thấm bên trong chống áp suất nước âm nhẹ cho tường và sàn tầng hầm. Chống thấm và bảo vệ tường ngoài chìm dưới mặt đất.

Đặc tính: Chống thấm tiết kiệm và hiệu quả cho các kết cấu mới và đang sử dụng. Dễ sử dụng, chỉ cần trộn với nước. Chống áp suất thủy tĩnh âm và dương.

Hệ thống hai thành phần

- Tỷ lệ pha trộn: Revinex Flex + Revinex Flex FP = 25:7

Lĩnh vực ứng dụng: Hệ thống chống thấm tầng hầm, tường, hầm, bể (không chứa nước uống) hoặc chống thấm thông thường khi cần độ bám dính tăng cường. Chống thấm mặt trong của tường và sàn tầng hầm để chống áp suất nước âm nhẹ. Chống thấm và bảo vệ mặt tường ngoài chìm dưới đất.

Đặc tính: Kết liền khe nứt. Bám dính hoàn hảo lên hầu hết các chất nền xây dựng, như bê tông, đá, gốm sứ và gạch. Chịu áp suất thủy tĩnh âm và dương.

- Tỷ lệ pha trộn: Revinex Flex + Revinex Flex U360 = 25:10

Lĩnh vực ứng dụng: Hệ thống chống thấm linh hoạt cho sân thượng, ban công, bể bơi, khu vực chịu nước (phòng tắm, nhà bếp, vv.), trước khi ốp lát gạch.

Đặc tính: Kết liền khe nứt. Bám dính hoàn hảo lên hầu hết các chất nền xây dựng, như bê tông, đá, gốm sứ và gạch.

- Tỷ lệ pha trộn: Revinex Flex + Revinex Flex ES= 25:12

Lĩnh vực ứng dụng: Thích ứng cho các ứng dụng chống thấm cần độ đàn hồi cao trên sân thượng, ban công dưới lớp gạch ốp và bề mặt lộ thiên, như mái bằng và tường ngoài trời, vv.

Đặc tính: Không bị ảnh hưởng bởi tia cực tím. Kết liền khe nứt. Bám dính hoàn hảo lên hầu hết các chất nền xây dựng, như bê tông, đá, gốm sứ và gạch.

Đặc điểm kỹ thuật

Hệ thống một thành phần Revinex Flex (25kg)+ Nước (7kg)

Tỷ trọng - khô: 1,31 kg/l²

Tỷ trọng - Revinex Flex+nước: 1,55 kg/l^{2 0,5}

Định mức tiêu thụ: 2-2,5 kg/m² lớp(bề mặt gốc xi măng)

Tính thấm nước (EN 1062-3:2008): <0,1kg/mh²

Tính thấm CO2 (EN 1062-6:2002 Phương pháp A): SD=57m

Tốc độ truyền hơi nước (ISO 7783:1999): V=59,4g/(m·d)

Khuếch tán hơi nước-tương đương độ dày lớp không khí (ISO 7783-1:1999): SD=0,3m

Hệ số kháng hơi nước (ISO 7783-1:1999): μ=177²

ATHENS:V.MOIRA, INDUSTRIAL AREA MANDRA, 19600, ATHENS, GREECE, TEL:+30 210 5557579, FAX:+30 210 5558482

THESSALONIKI: 10TH KM N.R THESSALONIKIS-POLIGIROU, 57001, THERMI THESSALONIKI, GREECE, TEL:+30 2310 467275, FAX: 2310 463442

Hệ thống Revinex®Flex

Hệ thống chống thấm gốc xi măng

Cường độ liên kết (DIN EN 1348): 1,6 N/mm
Độ bền nén (EN 1015-11:2004/A1:2007): 15,82N/mm
Độ bền uốn (EN 1015-11:2004/A1:2007): 5,87 N/m

Hệ thống hai thành phần Revinex Flex (25kg)+ FP (7kg)

Tỷ trọng(EN ISO 2811-1:12011): 1,515kg/l
Định mức tiêu thụ: 2-2,5 kg/m² lớp (bề mặt gốc xi măng)
Cường độ liên kết (EN 1542:2001): 1,52N/mm²
Tính thấm nước (EN 1062-3:2008): 0,03kg/m2h^{0.5}
Tính thấm CO2 (EN 1062-6:2002 Phương pháp A): SD=91m
Tốc độ truyền hơi nước (ISO 7783-1:1999): V=401,5g/(m².d)
Khuếch tán hơi nước-tương đương độ dày lớp không khí (ISO 7783-1:1999): SD =0,1m
Hệ số kháng hơi nước (ISO 7783-1:1999): μ=35
Độ bền nén (EN 1015-11:2004/A1:2007): 17,02N/mm²
Độ bền uốn (EN 1015-11:2004/A1:2007): 9,20N/mm²

Hệ thống hai thành phần Revinex Flex (25kg) + U 360 (10kg)

Tỷ trọng (EN ISO2811-1:12011); 1,57 kg/l
Định mức tiêu thụ: 2-2,5 kg/m² lớp (bề mặt gốc xi măng)
Cường độ liên kết (EN 1542:2001): 1,35N/mm²
Tính thấm nước (EN 1062-3:2008): <0,1kg/m2h^{0.5}
Tính thấm CO2 (EN 1062-6:2002 Phương pháp A) SD=61m
Độ cứng Shore A (EN ISO 868:2003/ASTM 2240): 71
Tốc độ truyền hơi nước (ISO 7783-1:1999): V=127,4 g/(m².d)
Khuếch tán hơi nước-tương đương độ dày lớp không khí (ISO 7783-1:1999): SD =0,2m
Hệ số kháng hơi nước (ISO 7783-1:1999): μ=381
Chịu tải tối đa (EN ISO 527-1/EN ISO 527-2): 5,58 ± 0,40N
Biến dạng căng tại điểm chịu tải tối đa (EN ISO 527-1/EN ISO 527-2): 10,86 ± 1,31%
Biến dạng căng tại điểm gãy (EN ISO 527-1/EN ISO 527-2): 25,72 ± 4,12%
Modul đàn hồi (EN ISO 527-1/EN ISO 527-2): 11,56 ± 1,53Mpa

Hệ thống hai thành phần Revinex Flex (25kg) + ES (12kg)

Tỷ trọng (EN ISO 2811-1:12011): 1,505kg/l
Định mức tiêu thụ: 2-2,5 kg/m² lớp (bề mặt gốc xi măng)
Độ cứng Shore A (EN ISO 868:2003/ASTM 2240): 68
Cường độ liên kết (EN 1542:2001): 1,61N/mm²
Tính thấm nước (EN 1062-3:2008): 0,02 kg/m2h^{0.5}
Tính thấm CO2 (EN 1062-6:2002 Phương pháp A): SD=82m
Tốc độ truyền hơi nước (ISO 7783-1:1999): V=228,5 g/(m².d)
Khuếch tán hơi nước-tương đương độ dày lớp không khí (ISO 7783-1:1999): SD =0,1m
Hệ số kháng hơi nước (ISO 7783-1:1999): μ=95
Chịu tải tối đa (EN ISO 527-1/EN ISO 527-2): 10,95 ± 0,35N
Biến dạng căng tại điểm chịu tải tối đa (EN ISO 527-1/EN ISO 527-2): 22,18 ± 2,42%
Biến dạng căng tại điểm gãy (EN ISO 527-1/EN ISO 527-2): 56,30 ± 5,74%
Modul đàn hồi (EN ISO 527-1/EN ISO 527-2): 12,19 ± 0,93Mpa

ATHENS:V.MOIRA, INDUSTRIAL AREA MANDRA, 19600, ATHENS, GREECE, TEL:+30 210 5557579, FAX:+30 210 5558482

THESSALONIKI: 10TH KM N.R THESSALONIKIS-POLIGIROU, 57001, THERMI THESSALONIKI, GREECE, TEL:+30 2310 467275, FAX: 2310 463442

Hệ thống Revinex®Flex

Hệ thống chống thấm gốc xi măng

Hướng dẫn sử dụng

Chuẩn bị bề mặt

Bề mặt phải khô, sạch bụi, đất, mỡ và đồng đều. Các lỗ hổng hoặc các khuyết tật phải được sửa chữa bằng Neorep® và Revinex®. Bề mặt không xốp phải khô, trong khi bề mặt xốp cần được làm ướt (đến khi bão hòa), hoặc tốt nhất là được quét lót bằng hỗn hợp Revinex®+ nước (tỷ lệ 1:3), loại bỏ hết nước thừa trước khi thi công.

Chuẩn bị hỗn hợp - Thi công

Đổ đều phần A (rắn) vào phần B (lỏng) và trộn bằng máy khuấy tốc độ chậm (để tránh sinh bọt) đến khi đồng đều. Lăn/quét/phết hỗn hợp liên tục, tốt nhất là 2 lớp với độ dày 1-1,5mm mỗi lớp. Lớp dày hơn và chịu xé thì sử dụng lưới sợi thủy tinh N-Thermon®Mesh 90gr (cho hệ thống Revinex Flex + nước hoặc cho hệ thống RevinexFlex + Revinex Flex FP) hoặc Gavazzi®0059-A (cho hệ thống Revinex Flex + Revinex Flex U360 hoặc cho hệ thống Revinex Flex + Revinex Flex ES), giữa hai lớp, trong khi lớp thứ nhất vẫn còn ướt.

Lưu ý

- Điều kiện độ ẩm và nhiệt độ thấp trong thời gian thi công, sẽ kéo dài thời gian khô và nhiệt độ cao sẽ rút ngắn lại.
- Không thi công khi dự báo trời sẽ mưa
- Để Revinex®Flex khô từ 5 đến 8 ngày, trước khi ốp gạch hoặc thi công lớp phủ (thạch cao).

Vệ sinh dụng cụ

Rửa thiết bị, dụng cụ bằng nước sạch ngay sau khi sử dụng. Vật liệu đã đông cứng chỉ có thể loại bỏ bằng biện pháp cơ học.

Tẩy vết bẩn

Dùng nước khi vết bẩn vẫn còn sống và ẩm. Khi đã khô, dùng biện pháp cơ học.

Màu sắc: Ghi, trắng

Thời hạn sử dụng

2 năm, khi được bảo quản nguyên bao gói, tránh sương giá và ánh nắng trực tiếp, ở nhiệt độ +5°C đến +35°C.

Đóng gói

Revinex Flex: Bao giấy 25 kg (Thành phần A)

Revinex Flex FP:Can nhựa 7kg (Thành phần B)

Revinex Flex U 360:Can nhựa 10 kg(Thành phần B)

Revinex Flex ES:Can nhựa 12 kg (Thành phần B)